

Thông tin kinh tế hàng tháng



Bản tin số 42: Tháng 2/2026

Tài chính, Kinh tế & Thương mại



Việt Nam đặt mục tiêu vay 5,5 tỷ USD vốn ngoại năm 2026 để thúc đẩy phát triển hạ tầng

Chính phủ Việt Nam cho biết rằng quốc gia này dự kiến sẽ huy động 5,5 tỷ USD vốn vay nước ngoài trong năm 2026. Mục tiêu của kế hoạch này là đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án hạ tầng quốc gia quy mô lớn và giải quyết những điểm nghẽn kéo dài trong việc giải ngân tài chính phát triển.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại [Phụ lục 1.1](#)



Việt Nam: Vươn mình thành trung tâm sản xuất trọng điểm của Châu Á năm 2026

Châu Á tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng sản xuất mạnh mẽ nhất toàn cầu vào năm 2026. Theo báo cáo Chỉ số Sản xuất Châu Á 2026 (AMI 2026), Việt Nam nằm trong số ba trung tâm sản xuất tiềm năng hàng đầu khu vực. Những trung tâm này được xếp hạng trên 11 quốc gia theo sáu tiêu chí: kinh tế, rủi ro chính trị, môi trường kinh doanh, thương mại quốc tế, chính sách thuế, cơ sở hạ tầng và đổi mới lực lượng lao động..

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại [Phụ lục 1.2](#)



PMI® Ngành Sản xuất Việt Nam

Tăng trưởng sản lượng trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã mạnh lên vào đầu năm 2026. Việc tăng sản lượng nhanh hơn đi cùng với đà tăng trưởng đơn đặt hàng mới được duy trì và các công ty ngày càng lạc quan hơn về triển vọng sản lượng trong năm tới. Nhu cầu sản xuất tăng cao khiến việc làm và hoạt động mua hàng tiếp tục tăng.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt [tại đây](#)



Chuyển đổi số trong lưu trữ năng lượng: Động lực mới cho hạ tầng điện Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy nhanh phát triển điện gió và điện mặt trời theo Quy hoạch Điện VIII (PDP8), hệ thống điện quốc gia đang đối mặt với nhu cầu ngày càng cao về tính linh hoạt, ổn định và khả năng kiểm soát. Trong bối cảnh đó, lưu trữ năng lượng, đặc biệt là các hệ thống pin, cần phải phát triển vượt xa việc mở rộng quy mô công suất thuần túy. Lưu trữ năng lượng phải được số hóa để trở thành cơ sở hạ tầng thiết yếu, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả kinh tế dài hạn và tích hợp bền vững năng lượng tái tạo.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại [Phụ lục 1.3](#)



Từ “giá rẻ” đến “chất lượng”: Bốn xu hướng định hình FDI bất động sản Việt Nam

Dòng vốn FDI đang quay trở lại thị trường bất động sản Việt Nam, nhưng với một “bộ tiêu chí” hoàn toàn khác trước. Những giả định từng được xem là lợi thế – từ chi phí thấp đến quỹ đất dồi dào – đang dần mất vai trò trung tâm trong quyết định đầu tư.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt [tại đây](#)

Góc nhìn Chuyên gia



[Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới](#)

GS. George Toloraya nhận định rằng Đại hội Đảng lần thứ XIV đại diện cho một bước chuyển mình then chốt của Việt Nam, từ vai trò "công xưởng thế giới" sang khát vọng trở thành một cường quốc công nghệ cao, với chất lượng phát triển ở tầm cao mới.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.1



[Năm xu hướng xã hội thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp Việt Nam năm 2026](#)

Hiện nay, Việt Nam được xếp hạng là một trong những thị trường có mức độ kết nối xã hội cao nhất trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Meta đã xác định năm xu hướng xã hội sẽ định hình sự tăng trưởng của các doanh nghiệp Việt Nam trong năm 2026.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.2

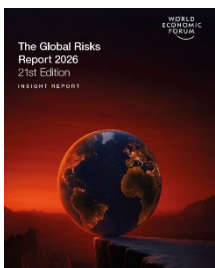


[Chuyên gia và truyền thông quốc tế: Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi năm 2025](#)

Dưới lăng kính của các chuyên gia và truyền thông quốc tế, trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 đối mặt với nhiều bất ổn, từ tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại, rủi ro địa chính trị đến tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu, Việt Nam thực sự đang nổi lên như một điểm sáng hiếm hoi về ổn định vĩ mô và đà tăng trưởng bền vững.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt [tại đây](#)

Tủ sách Doanh nghiệp



[Báo cáo của World Economic Forum \(WEF\): Báo cáo Rủi ro Toàn cầu 2026](#)

Báo cáo Rủi ro Toàn cầu 2026, ấn bản lần thứ 21 của báo cáo thường niên này, đánh dấu nửa sau của một thập kỷ đầy biến động. Báo cáo phân tích các rủi ro toàn cầu thông qua ba khung thời gian nhằm hỗ trợ các nhà ra quyết định cân bằng giữa các cuộc khủng hoảng hiện tại và các ưu tiên dài hạn. Chương 1 trình bày các kết quả của Khảo sát Nhận thức Rủi ro Toàn cầu (GRPS) năm nay, thu thập ý kiến từ hơn 1.300 chuyên gia trên toàn thế giới. Chương 2 đi sâu vào các tác động của những rủi ro này và mối liên kết giữa chúng thông qua sáu phân tích chuyên sâu về các chủ đề.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.1, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



[Báo cáo của KPMG: Huy động vốn tư nhân cho tăng trưởng nhờ ứng phó khí hậu](#)

Việc giải quyết biến đổi khí hậu có thể giúp hỗ trợ phát triển kinh tế và tăng trưởng dài hạn tại các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDE). Các quốc gia EMDE cần hàng nghìn tỷ đô la để ứng phó với biến đổi khí hậu, tuy nhiên hiện nay chỉ có một phần nhỏ trong số kinh phí này được huy động. Trong tài liệu tóm tắt quốc tế này của KPMG, chúng tôi phân tích các phát hiện chính từ báo cáo của WEF, "Từ Rủi ro đến Thành quả: Khai thông nguồn vốn tư nhân cho tăng trưởng nhờ ứng phó khí hậu", đồng thời giới thiệu cách các công ty thành viên của KPMG đã hỗ trợ khách hàng trên toàn cầu giải quyết các thách thức về tài chính khí hậu.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.2, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



[Báo cáo của TS. Cấn Văn Lực và Viện Nghiên cứu kinh tế BIDV: Bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2025 và dự báo năm 2026](#)

Theo TS. Cấn Văn Lực và Nhóm tác giả Viện Nghiên cứu kinh tế BIDV, với nền tảng ấn tượng của năm 2025, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, đột phá về thể chế, môi trường đầu tư - kinh doanh tiếp tục được cải thiện; các động lực tăng trưởng được làm mới và phát huy hiệu quả cao hơn; kinh tế Việt Nam năm 2026 có đủ điều kiện để bứt phá tăng trưởng.

Đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Việt [tại đây](#)



[Báo cáo của Guotai Junan: Triển vọng Đầu tư Ngành Tiêu dùng Việt Nam 2026](#)

Năm 2026, ngành tiêu dùng Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì quỹ đạo tăng trưởng tích cực, nhờ nền tảng vĩ mô ổn định và các cải cách chính sách quan trọng được thực hiện trong giai đoạn 2024–2025. Trong năm 2025, tiêu dùng nội địa đã cho thấy sự phục hồi rõ nét khi GDP dự kiến tăng trưởng trên 8%, thu nhập khả dụng của hộ gia đình được cải thiện và niềm tin người tiêu dùng quay trở lại mức trước đại dịch. Đáng chú ý, các động lực từ chính sách như Nghị định 70 về thuế hộ kinh doanh, các sáng kiến thúc đẩy khu vực tư nhân, cùng môi trường chính sách tiền tệ – tài khóa nói chung đã đóng vai trò then chốt trong việc củng cố sức mua và giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.3, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)

Lịch sự kiện

Sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Diễn giả/Thành phần tham dự & Ngôn ngữ	Đăng ký
VCCI: Diễn đàn “Đầu tư – Kinh doanh vùng trung tâm kinh tế phía Nam”	Khách sạn Mai House Saigon, TP. HCM	04/02/2026 13:30-17:00	Thành phần tham dự: Lãnh đạo các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, cơ quan ngoại giao, tổ chức xúc tiến đầu tư – thương mại và các nhà đầu tư trong nước, quốc tế.	Tai đây

Theo dõi và cập nhật các sự kiện của VCCI [tại đây](#), và các sự kiện của KPMG [tại đây](#).

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2026 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Thông tin kinh tế hàng tháng



Bản tin số 42: Tháng 2/2026

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

PHỤ LỤC 1.1

Việt Nam đặt mục tiêu vay 5,5 tỷ USD vốn ngoại năm 2026 để thúc đẩy phát triển hạ tầng

Chính phủ Việt Nam cho biết rằng quốc gia này dự kiến sẽ huy động 5,5 tỷ USD vốn vay nước ngoài trong năm 2026. Mục tiêu của kế hoạch này là đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án hạ tầng quốc gia quy mô lớn và giải quyết những điểm nghẽn kéo dài trong việc giải ngân tài chính phát triển.

Tháng trước, quốc gia Đông Nam Á này đã khởi công 234 dự án hạ tầng với tổng trị giá 3.400 nghìn tỷ đồng (khoảng 129,42 tỷ USD). Trong số đó, 18% sẽ được cấp vốn từ ngân sách nhà nước, phần còn lại sẽ được huy động từ khu vực tư nhân và các nhà đầu tư khác.

Chính phủ chưa đưa ra bảng phân bổ chi tiết cho kế hoạch vay vốn ngoại năm 2026 cũng như các loại hình vay cụ thể. Tuy nhiên, nguồn vốn này dự kiến sẽ bao gồm hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi và các hình thức tài trợ vốn từ bên ngoài khác.

Theo Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương, trong năm 2025, Việt Nam đã huy động được 624 triệu USD vốn ODA và vay ưu đãi mới cho 10 dự án, tương đương với mức của năm trước đó. Tuy nhiên, phát biểu trước Ban Chỉ đạo quốc gia về ODA, ông Phương cho biết tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 35,27%, sụt giảm so với tốc độ của năm ngoái.

Ông Phương giải thích rằng sự chậm trễ này bắt nguồn từ nhiều thách thức khác nhau, bao gồm công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, những khó khăn trong việc phê duyệt các dự án xây dựng tại khu vực đất rừng, cũng như các quy trình đấu thầu, vướng mắc về thuế và quá trình đàm phán vay vốn bị kéo dài.

Ngoài ra, các vấn đề về định giá đất và điều chỉnh hiệp định vay vốn cũng là những rào cản làm trầm trọng thêm tình hình.

Chính phủ Việt Nam đã xác định đầu tư công là động lực then chốt của nền kinh tế và đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 ở mức trên 10%. Chiến lược ODA mới cho giai đoạn 2026–2030 đặt mục tiêu thu hút lên tới 38 tỷ USD, ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển hạ tầng trọng điểm.

Năm ngoái, Việt Nam đã sửa đổi Luật Quản lý nợ công nhằm tinh giản các quy trình, phân cấp quyền hạn nhiều hơn trong việc đàm phán hiệp định ODA và khắc phục tình trạng kém hiệu quả về thủ tục.

PHỤ LỤC 1.2

Vươn mình thành trung tâm sản xuất trọng điểm của Châu Á năm 2026

Châu Á tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng sản xuất mạnh mẽ nhất toàn cầu vào năm 2026. Theo báo cáo Chỉ số Sản xuất Châu Á 2026 (AMI 2026) của Dezan Shira & Associates, Việt Nam nằm trong số ba trung tâm sản xuất tiềm năng hàng đầu khu vực, được xếp hạng trên 11 quốc gia theo sáu tiêu chí: kinh tế, rủi ro chính trị, môi trường kinh doanh, thương mại quốc tế, chính sách thuế, cơ sở hạ tầng và đổi mới lực lượng lao động.

Trong bài viết này, chúng tôi khám phá bốn khía cạnh đáng chú ý của Việt Nam, bao gồm kinh tế, chính sách thuế, thương mại quốc tế và cơ sở hạ tầng, nhằm làm nổi bật tiềm năng đầy đủ của quốc gia này với tư cách là một trong những trung tâm sản xuất mới nổi của Châu Á.

Tăng trưởng kinh tế dẫn lối

Việt Nam đã tiến bộ về tiềm năng kinh tế khi tăng hai bậc so với năm ngoái. Năm 2025, GDP của Việt Nam tăng 8,02%, chủ yếu nhờ mức tăng 9,97% của ngành công nghiệp chế biến. GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, tăng 1,4 lần so với năm 2020, đưa Việt Nam lên vị trí quốc gia có thu nhập trung bình cao.

Việt Nam được công nhận rộng rãi là nền kinh tế có tiềm năng tăng trưởng cao. Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Việt Nam 2026 của UOB, dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 đã được điều chỉnh từ mức 7% trước đó lên 7,5%. UOB cho rằng

những điều chỉnh này đến từ hiệu suất xuất khẩu mạnh mẽ và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục, vốn là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bất chấp những bất ổn chính trị toàn cầu và các lệnh thuế quan từ Hoa Kỳ.

Chính sách thuế và cải cách lập pháp thúc đẩy đầu tư

Việt Nam đã đạt được một bước nhảy vọt trong chính sách thuế, tăng từ vị trí thứ năm năm ngoái lên vị trí thứ hai trong năm nay.

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng không chỉ trong phát triển pháp lý mà còn trong quản lý hành chính. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2025, quốc gia này đã loại bỏ cấp huyện khỏi hệ thống chính quyền và áp dụng cấu trúc chính quyền hai cấp (tỉnh – xã) để đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Những nỗ lực lập pháp hiệu quả và chủ động nhất là kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa XV, diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12. Kỳ họp này đã thông qua kỷ lục 51 đạo luật và 39 nghị quyết, bao gồm Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Quản lý thuế, Luật Đầu tư và Luật Thuế Thu nhập cá nhân. Những cải cách này được kỳ vọng sẽ giúp các doanh nghiệp tại Việt Nam ứng phó với những bất ổn đang diễn ra, đồng thời thu hút thêm nhiều khoản đầu tư mới trong năm tới, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp giá trị cao.

Mạng lưới FTA rộng khắp củng cố thương mại quốc tế

Thương mại quốc tế của Việt Nam cũng được củng cố đáng kể, leo từ vị trí thứ năm lên thứ ba. Năm 2025, tổng giá trị thương mại đạt 930,05 tỷ USD, đánh dấu mức tăng trưởng ấn tượng 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Các sản phẩm giá trị cao nằm trong danh sách các mặt hàng xuất nhập khẩu hàng đầu, với giá trị thương mại vượt 10 tỷ USD vào năm 2025.

Hiệp định thương mại tự do là công cụ mạnh mẽ nhất để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã ký kết 17 FTA, giúp các doanh nghiệp tiếp cận thị trường toàn cầu dễ dàng hơn, hưởng mức thuế suất ưu đãi tốt hơn và tạo ra nhiều cơ hội hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Theo Jetro, Việt Nam nằm trong top 5 quốc gia mà các doanh nghiệp Nhật Bản đạt tỷ lệ tận dụng FTA trên 50%.

Các FTA cũng đạt hiệu quả cao trong việc thúc đẩy thương mại song phương. Năm năm sau khi Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh Châu Âu – Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực, thương mại song phương đạt 300 tỷ USD, định vị Việt Nam là đối tác thương mại hàng đầu của EU trong ASEAN và là đối tác lớn thứ 16 toàn cầu. Điều này làm nổi bật tiềm năng ngày càng mở rộng của Việt Nam với tư cách là một mắt xích lớn trong thương mại quốc tế.

Đầu tư cơ sở hạ tầng hỗ trợ tăng trưởng sản xuất

Việt Nam cũng đặt ưu tiên mạnh mẽ vào phát triển cơ sở hạ tầng. Trong năm 2025, quốc gia này đã triển khai kỷ lục 564 dự án với tổng trị giá 5,14 nghìn tỷ đồng (195,7 triệu USD), với phần lớn nguồn vốn đến từ khu vực tư nhân.

Các dự án trọng điểm bao gồm gần 3.200 km đường cao tốc, khởi công Sân bay Long Thành, mở rộng sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất, cùng các dự án năng lượng lớn như Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và các nhà máy LNG Nhơn Trạch 3 và 4. Năng lực cảng biển cũng đang được nâng cao tại Lạch Huyện và Cái Mép – Thị Vải.

Những khoản đầu tư này được kỳ vọng sẽ cải thiện tính kết nối trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực logistics và đặt nền móng vững chắc cho tăng trưởng xuất khẩu bền vững trong những năm tới.

Kết luận

Việt Nam đang ở vị thế thuận lợi để trở thành một trong những trung tâm sản xuất hàng đầu Châu Á, được chứng minh bởi tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, các chính sách thuế và kinh doanh được cải thiện, mạng lưới hiệp định thương mại quốc tế ngày càng mở rộng và sự đầu tư bền bỉ vào cơ sở hạ tầng.

PHỤ LỤC 1.3

Chuyển đổi số trong lưu trữ năng lượng: Động lực mới cho hạ tầng điện Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy nhanh phát triển điện gió và điện mặt trời theo Quy hoạch Điện VIII (PDP8), hệ thống điện quốc gia đang đối mặt với nhu cầu ngày càng cao về tính linh hoạt, ổn định và khả năng kiểm soát. Trong bối cảnh đó, lưu trữ năng lượng, đặc biệt là các hệ thống pin, cần phải phát triển vượt xa việc mở rộng quy mô công suất thuần túy. Lưu trữ năng lượng phải được số hóa để trở thành cơ sở hạ tầng thiết yếu, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả kinh tế dài hạn và tích hợp bền vững năng lượng tái tạo.

Dưới tác động của PDP8, công suất điện gió và điện mặt trời của Việt Nam đang mở rộng với tốc độ chưa từng thấy. Tuy nhiên, song hành cùng sự tăng trưởng này, hệ thống điện cũng đang chịu áp lực vận hành ngày càng lớn. Sự biến thiên của nguồn phát tái tạo diễn ra thường xuyên hơn, các điểm nghẽn lưới điện cục bộ thắt chặt, và nhu cầu về tính linh hoạt của hệ thống – bao gồm khả năng điều giữ và dự phòng – đang tăng lên đều đặn. Kết quả là, lưu trữ năng lượng đang chuyển mình từ một "thành phần bổ trợ tùy chọn" thành một bộ phận then chốt của cơ sở hạ tầng hệ thống điện.

Sự thành công của một dự án lưu trữ năng lượng giờ đây không còn được định nghĩa chỉ bằng số Megawatt-giờ lắp đặt. Thay vào đó, nó được đo lường bằng khả năng đảm bảo an toàn, tính khả dụng cao và hiệu quả kinh tế có thể huy động vốn (bankable) trong dài hạn. Để đạt được các mục tiêu này, cần có sự thay đổi căn bản trong cách thiết kế, vận hành và quản lý các hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS), trong đó số hóa phải là trọng tâm.

Mục tiêu cốt lõi của số hóa là chuyển đổi BESS từ một tập hợp các thiết bị phần cứng thành một tài sản có khả năng vận hành và đầu tư. Bước đầu tiên là xây dựng nền tảng dữ liệu vững chắc. Điều này bao gồm việc kết nối và hài hòa dữ liệu

giữa Hệ thống Quản lý Pin (BMS), Hệ thống Chuyển đổi Nguồn (PCS), Hệ thống Quản lý Năng lượng (EMS) và Điểm đấu nối (POI). Các định nghĩa dữ liệu tiêu chuẩn phải được thiết lập, cùng với các chỉ số hiệu suất chính (KPI) và các ngưỡng giới hạn bao gồm trạng thái nạp và trạng thái sức khỏe (SOC/SOH), hành vi nhiệt, tính đồng nhất giữa các cell pin và giới hạn khả năng phát điện. Một nền tảng dữ liệu vững chắc sẽ cải thiện chất lượng cảnh báo, đẩy nhanh việc cô lập lỗi và chuyển đổi công tác vận hành và bảo trì (O&M) từ phản ứng bị động sang bảo trì dựa trên tình trạng và dự báo.

Vượt trội hơn cả giám sát, số hóa cho phép thực hiện các chiến lược điều độ thích ứng. Thay vì dựa vào một chiến lược vận hành cố định cho cả năm, hoạt động BESS hiện đại nên tích hợp các biểu đồ phụ tải, dự báo sản lượng tái tạo, tín hiệu giá và các ràng buộc lưới điện vào mô hình mô phỏng và tối ưu hóa theo chu kỳ thời gian (rolling-horizon). Điều này cho phép điều chỉnh lịch trình nạp và xả một cách linh hoạt, vừa tối đa hóa doanh thu vừa kiểm soát mức độ suy hao pin và kéo dài tuổi thọ tài sản.

Việc vận hành hóa các chiến lược số cũng quan trọng không kém. Các quy trình khép kín được tiêu chuẩn hóa – liên kết giữa cảnh báo, lệnh sản xuất, hành động khắc phục và đánh giá sau hành động – là thiết yếu để đảm bảo thực thi nhất quán. Hiệu suất vận hành cần được theo dõi qua các chỉ số như thời gian dừng máy, tính khả dụng kỹ thuật, chỉ số suy hao và đóng góp doanh thu. Điều này đảm bảo rằng các hoạt động lưu trữ có khả năng truy xuất nguồn gốc đầy đủ, có thể kiểm toán và phù hợp với kỳ vọng của các nhà đầu tư và tổ chức cho vay.

Đối với việc triển khai tại Việt Nam, có thể ưu tiên ba lộ trình thí điểm. Thứ nhất là các lưới điện siêu nhỏ (microgrids) và khu vực lưới điện yếu, bao gồm các đảo và vùng sâu vùng xa, nơi lưu trữ năng lượng có thể cải thiện đáng kể chất lượng điện năng và giảm phụ thuộc vào dầu diesel cũng như các nhiên liệu hóa thạch khác. Lộ trình thứ hai tập trung vào các khu công nghiệp và trung tâm phụ tải đô thị, nơi BESS có thể hỗ trợ quản lý nhu cầu, tận dụng chênh lệch giá điện theo thời điểm (TOU) và tăng cường chất lượng điện. Thứ ba liên quan đến các nút lưới điện có mật độ năng lượng tái tạo cao, nơi lưu trữ có thể tăng cường an ninh hệ thống, tạo điều kiện tích hợp năng lượng tái tạo và giúp xây dựng các chiến lược đấu nối cũng như tiêu chuẩn vận hành lưới điện.

Trong bối cảnh này, Neovest – dưới sự dẫn dắt của khái niệm Năng lượng dưới dạng Dịch vụ (EaaS) – đã phát triển một nền tảng tích hợp kỹ thuật số không phát thải carbon, bao phủ toàn bộ vòng đời dự án, từ đánh giá đầu tư, quản lý xây dựng đến vận hành và bảo trì. Nền tảng nhấn mạnh vào việc giám sát thống nhất dữ liệu đa nguồn và tối ưu hóa phía nhu cầu theo quy trình khép kín, cung cấp một nền tảng số thực tiễn cho các dự án thí điểm lưu trữ năng lượng của Việt Nam.

Tóm lại, số hóa lưu trữ năng lượng không phải là việc tạo ra những bảng điều khiển bóng bẩy hay các công cụ phân tích tách biệt. Đó là việc xây dựng những hệ thống ổn định hơn, có khả năng kiểm soát cao hơn và dễ dàng mở rộng quy mô hơn – những năng lực thiết yếu đối với Việt Nam khi quốc gia thúc đẩy quá trình chuyển dịch năng lượng và hướng tới một hệ thống điện carbon thấp, có khả năng phục hồi cao.

Góc nhìn Chuyên gia

PHỤ LỤC 2.1

Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới

GS. George Toloraya nhận định rằng Đại hội Đảng lần thứ XIV đại diện cho một bước chuyển mình then chốt của Việt Nam, từ vai trò "công xưởng thế giới" sang khát vọng trở thành một cường quốc công nghệ cao, với chất lượng phát triển ở tầm cao mới.

Một giáo sư người Nga đã mô tả sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam là một sự kiện mang tính bước ngoặt, đưa đất nước bước vào một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trả lời phỏng vấn phóng viên Thông tấn xã Việt Nam tại Moscow ngay sau khi Đại hội bế mạc, GS. George Toloraya, Giám đốc Trung tâm Chiến lược Nga tại Châu Á thuộc Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Nga, nhận định rằng Đại hội đánh dấu một bước nhảy vọt về chất trong quỹ đạo phát triển của Việt Nam.

Ông lưu ý rằng Đại hội XIV đại diện cho một bước chuyển mình then chốt từ vai trò "công xưởng thế giới" sang khát vọng trở thành một cường quốc công nghệ cao, với chất lượng phát triển đạt mức độ cao hơn.

Theo vị học giả này, Đại hội diễn ra trong bối cảnh các thách thức trong nước và quốc tế phức tạp, từ thiên tai, dịch bệnh đến sự gia tăng cạnh tranh chiến lược và những đứt gãy trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh đó, những nỗ lực của Việt Nam trong việc tinh gọn bộ máy tổ chức và sắp xếp các đơn vị hành chính đã phản ánh quyết tâm chính trị mạnh mẽ cho một cuộc cải cách thực chất và sâu rộng.

Điểm lại các văn kiện Đại hội, ông Toloraya cho rằng Việt Nam đã vạch ra lộ trình rõ ràng cho quá trình chuyển đổi từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, dựa trên nền tảng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hệ thống thể chế hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định là những nền tảng cốt lõi; trong khi phát triển xanh, bền vững, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu được coi là những yêu cầu tất yếu.

Ông nhấn mạnh sự trường thành về mặt thể chế ngày càng cao của Việt Nam, lưu ý rằng quốc gia này hiện coi cải cách thể chế là "đột phá của mọi đột phá" và đang chủ động ứng phó với nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Những cam kết nhằm xóa bỏ cơ chế "xin – cho", tăng cường tính minh bạch và thúc đẩy quản trị từ dưới lên đã gửi đi một tín hiệu mạnh mẽ về quyết tâm theo đuổi cải cách thực chất của Việt Nam tới các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Vị học giả cũng chỉ ra định hướng "chuyển đổi kép", kết hợp giữa kinh tế tri thức, kinh tế số với kinh tế xanh và tuần hoàn, là minh chứng cho việc Việt Nam đang vượt ra khỏi mô hình tăng trưởng dựa trên lao động giá rẻ để hướng tới năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao hơn. Chuyển đổi số toàn diện, bao gồm xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, đã được xác định là trụ cột then chốt của chiến lược này.

Giáo sư Toloraya nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cân bằng giữa kế hoạch hóa và cơ chế thị trường, trong đó khu vực công tiếp tục đóng vai trò chủ đạo nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và định hướng chiến lược, trong khi khu vực tư nhân được công nhận là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng nhất, cần một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn và năng lực cạnh tranh mạnh mẽ hơn.

Về phát triển đô thị, ông cho rằng việc thành lập các đặc khu thể hệ mới và các trung tâm tài chính quốc tế, bao gồm tại TP. Hồ Chí Minh, đã khẳng định tham vọng của Việt Nam trong việc trở thành một trung tâm dịch vụ và logistics của khu vực, đồng thời gắn kết tăng trưởng kinh tế với mục tiêu xây dựng xã hội lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển.

Về chính sách đối ngoại, học giả Nga nhận thấy Việt Nam tiếp tục theo đuổi cách tiếp cận ngoại giao linh hoạt, nhưng ngày càng chủ động và quyết đoán hơn trong kỷ nguyên mới.

Từ góc độ của Nga, ông cho biết kết quả của Đại hội mở ra những cơ hội mới và kỳ vọng cao hơn cho hợp tác song phương. Khi Việt Nam ưu tiên chủ quyền số, một nhà nước vững mạnh và tăng trưởng dựa trên công nghệ cao, các mô hình hợp tác truyền thống sẽ cần phải phát triển theo hướng chuyển giao công nghệ, nội địa hóa và tự chủ về công nghệ.

Nhìn về tương lai, GS. Toloraya dự báo rằng hợp tác Việt Nam – Nga sẽ mở rộng sang các lĩnh vực mới như chuyển giao công nghệ, số hóa và chuyển đổi xanh, vượt ra ngoài các mối quan hệ chính trị truyền thống để hướng tới mối quan hệ đối tác thực chất và bền vững hơn trong kỷ nguyên mới.

PHỤ LỤC 2.2

Năm xu hướng xã hội thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp Việt Nam năm 2026

Meta đã xác định năm xu hướng xã hội sẽ định hình sự tăng trưởng của các doanh nghiệp Việt Nam trong năm 2026. Hiện nay, Việt Nam được xếp hạng là một trong những thị trường có mức độ kết nối xã hội cao nhất trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Theo Meta, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một nền tảng cơ bản, được tích hợp toàn diện vào các hành trình tiêu dùng phi tuyến tính và các hoạt động vận hành của doanh nghiệp.

AI đang biến các nền tảng nhắn tin thành những trung tâm thương mại toàn phễu (full-funnel), nơi các hoạt động từ khám phá, thương lượng đến thanh toán đều diễn ra tại một nơi duy nhất. Những người có sức ảnh hưởng (influencers) đang dần trở thành các cửa hàng kỹ thuật số thông qua các công cụ tiếp thị liên kết hỗ trợ bởi AI; đồng thời, video dạng ngắn và livestream đang nén phễu bán hàng thành các phiên tương tác cao. Những xu hướng này đang thúc đẩy thương mại xuyên biên giới, cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) Việt Nam mở rộng quy mô ra quốc tế thông qua các nền tảng như WhatsApp.

Trong bối cảnh đó, Giám đốc Meta Việt Nam, ông Khôi Lê, đã tái khẳng định cam kết của công ty trong việc hỗ trợ phát triển kinh tế Việt Nam.

"AI đang trở thành động lực chính cho nền kinh tế. Tại Việt Nam, chúng tôi đang hợp tác với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) trong Dự án VGen để xây dựng nền tảng AI được thiết kế riêng cho người dùng Việt Nam. Mỗi khu vực đều có nền văn hóa và cách thức giao tiếp riêng, và AI chỉ có thể hiệu quả khi nó phản ánh được bản sắc địa phương," ông Khôi cho biết.

Bên cạnh yếu tố công nghệ, ông Khôi nhấn mạnh mục tiêu của Meta là giúp các doanh nghiệp tối đa hóa hiệu quả, mở rộng ra thị trường quốc tế, khai phá các cơ hội mới và sử dụng chatbot AI để cắt giảm chi phí.

Những nỗ lực này giúp các doanh nghiệp thúc đẩy doanh số và tiếp cận thị trường toàn cầu, phù hợp với chiến lược kinh tế số quốc gia đã được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc vừa kết thúc gần đây.

Tủ sách Doanh nghiệp

PHỤ LỤC 3.1

Báo cáo của World Economic Forum: Báo cáo Rủi ro Toàn cầu 2026

Báo cáo Rủi ro Toàn cầu 2026, ấn bản lần thứ 21 của báo cáo thường niên này, đánh dấu nửa sau của một thập kỷ đầy biến động. Báo cáo phân tích các rủi ro toàn cầu thông qua ba khung thời gian nhằm hỗ trợ các nhà ra quyết định cân bằng giữa các cuộc khủng hoảng hiện tại và các ưu tiên dài hạn. Chương 1 trình bày các kết quả của Khảo sát Nhận thức Rủi ro Toàn cầu (GRPS) năm nay, thu thập ý kiến từ hơn 1.300 chuyên gia trên toàn thế giới. Chương này khám phá các rủi ro trong tương lai hiện tại hoặc trực tiếp (năm 2026), ngắn đến trung hạn (đến năm 2028) và dài hạn (đến năm 2036). Chương 2 đi sâu vào các tác động của những rủi ro này và mối liên kết giữa chúng thông qua sáu phân tích chuyên sâu về các chủ

đề được lựa chọn. Dưới đây là những phát hiện chính của báo cáo, trong đó chúng tôi so sánh triển vọng rủi ro qua ba mốc thời gian.

Sự bất định là chủ đề chủ đạo của triển vọng rủi ro toàn cầu năm 2026. Những người tham gia khảo sát GRPS có cái nhìn tiêu cực về triển vọng toàn cầu trong cả ngắn hạn và dài hạn, với 50% người phản hồi dự đoán triển vọng sẽ biến động hoặc bão táp trong hai năm tới, và tỷ lệ này tăng lên 57% trong vòng 10 năm tới.

Thêm 40% và 32% tương ứng nhận định triển vọng toàn cầu là không ổn định trong khung thời gian hai năm và 10 năm, trong khi chỉ có 1% mong đợi một triển vọng bình lặng ở mỗi mốc thời gian.

Khi các rủi ro toàn cầu tiếp tục gia tăng về quy mô, tính kết nối và tốc độ, năm 2026 đánh dấu một kỷ nguyên của sự cạnh tranh. Khi các cơ chế hợp tác rạn nứt, các chính phủ rút lui khỏi các khuôn khổ đa phương, sự ổn định đang bị đe dọa. Một cục diện đa cực đầy tranh chấp đang trỗi dậy, nơi sự đối đầu thay thế cho sự hợp tác, và lòng tin – "loại tiền tệ" của sự hợp tác – đang mất dần giá trị.

Kết quả khảo sát GRPS năm nay cho thấy những lo ngại trong ngắn hạn tăng cao hơn so với năm ngoái, với tỷ lệ người lựa chọn triển vọng biến động hoặc bão táp trong hai năm tới tăng 14 điểm phần trăm. Ngược lại, so với năm ngoái, có sự cải thiện 5 điểm phần trăm trong vòng 10 năm tới đối với hai danh mục này (từ 62% năm ngoái xuống 57% năm nay), với sự gia tăng nhẹ của những người lựa chọn triển vọng bình lặng hoặc ổn định (tăng 3 điểm phần trăm) hoặc triển vọng không ổn định (tăng 2 điểm phần trăm).

Chủ nghĩa đa phương đang thoái trào

Hệ thống đa phương đang chịu áp lực lớn. Lòng tin suy giảm, sự minh bạch và tôn trọng pháp quyền bị xói mòn, cùng với chủ nghĩa bảo hộ gia tăng đang đe dọa các mối quan hệ quốc tế, thương mại và đầu tư lâu đời, đồng thời làm tăng nguy cơ xung đột. Đối đầu địa kinh tế là mối quan tâm hàng đầu của những người tham gia khảo sát và được 18% người phản hồi lựa chọn là rủi ro hàng đầu có khả năng gây ra khủng hoảng toàn cầu vào năm 2026, tăng hai bậc so với năm ngoái.

Tiếp theo là Xung đột vũ trang giữa các quốc gia, được lựa chọn bởi 14% người phản hồi.

Trong một thế giới vốn đã suy yếu do sự đối đầu gia tăng, chuỗi cung ứng không ổn định và các cuộc xung đột kéo dài có nguy cơ lan rộng ra khu vực, sự đối đầu như vậy sẽ mang lại những hệ lụy hệ thống, có chủ đích và sâu rộng trên toàn cầu, làm tăng tính mong manh của các quốc gia. Vai trò trung tâm của Đối đầu địa kinh tế trong bức tranh rủi ro toàn cầu không chỉ giới hạn ở năm 2026, khi những người phản hồi cũng lựa chọn đây là rủi ro hàng đầu trong khung thời gian hai năm (đến năm 2028), tăng tám bậc so với năm ngoái.

Đối đầu địa kinh tế đe dọa cốt lõi của nền kinh tế toàn cầu vốn có tính kết nối cao, vấn đề này được tìm hiểu sâu hơn trong Phần 2.2: Đa cực không đa phương.

Các rủi ro kinh tế đang gia tăng

Các rủi ro kinh tế, khi xét tổng thể, cho thấy sự gia tăng thứ hạng lớn nhất trong hai năm tới, dù bắt đầu từ thứ hạng tương đối thấp vào năm ngoái. Suy thoái kinh tế và Lạm phát lần lượt tăng tám bậc lên vị trí thứ 11 và 21, trong khi Bong bóng tài sản vỡ cũng tăng bảy bậc lên vị trí thứ 18.

Suy thoái kinh tế chứng kiến một trong những mức tăng điểm nghiêm trọng lớn nhất so với kết quả năm ngoái, chỉ đứng sau Đối đầu địa kinh tế. Phần 2.4: Một cuộc thanh toán kinh tế phân tích cách thức mà trong hai năm tới, những lo ngại về tính bền vững của nợ tăng cao cùng với các bong bóng kinh tế tiềm ẩn – trong bối cảnh đối đầu địa kinh tế gia tăng – có thể báo hiệu một giai đoạn biến động mới, có tiềm năng gây mất ổn định hơn nữa cho các xã hội và doanh nghiệp.

Rủi ro công nghệ đang phát triển, phần lớn không được kiểm soát

Các bước phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo mới đang thúc đẩy các cơ hội, với tiềm năng lợi ích to lớn từ y tế, giáo dục đến nông nghiệp và cơ sở hạ tầng, nhưng cũng dẫn đến những rủi ro mới trên nhiều lĩnh vực, từ thị trường lao động, tính toàn vẹn của thông tin đến các hệ thống vũ khí tự hành. Tin giả và tin sai lệch cùng với Mất an ninh mạng lần lượt xếp thứ 2 và thứ 6 trong triển vọng hai năm. Các hệ quả tiêu cực của AI là rủi ro có mức tăng thứ hạng lớn nhất theo thời gian, chuyển từ vị trí thứ 30 trong triển vọng hai năm lên thứ 5 trong triển vọng 10 năm. Phần 2.7: AI trên diện rộng khám phá cách thức AI có thể tác động đến thị trường lao động, xã hội và an ninh toàn cầu trong thập kỷ tới. Ngược lại, Các hệ quả tiêu cực của công nghệ biên (frontier technologies), chuyển từ vị trí thứ 33 trong bảng xếp hạng hai năm lên thứ 25 trong bảng xếp hạng 10 năm, nhìn chung vẫn ở mức tương đối thấp. Phần 2.6: Những bước nhảy vọt lượng tử tìm hiểu cách thức sự tăng tốc trong công nghệ lượng tử có thể mang lại cơ hội đáng kể cho xã hội và nền kinh tế, từ việc cải thiện độ chính xác và tốc độ mô hình hóa khí hậu và thời tiết đến việc phát hiện các loại thuốc mới.

Tuy nhiên, những tiến bộ trong lĩnh vực lượng tử cũng có nguy cơ trở thành một khía cạnh khác của sự đối đầu chiến lược, phân tách kinh tế và phân hóa chính trị.

Xã hội bên bờ vực

Sự phân hóa xã hội và chính trị ngày càng tăng đang làm gia tăng áp lực lên các hệ thống dân chủ, khi các phong trào cực đoan về xã hội, văn hóa và chính trị thách thức khả năng phục hồi của các thể chế và lòng tin của công chúng. Sự phổ biến ngày càng tăng của các câu chuyện "đường phố đối lập với giới tinh hoa" phản ánh sự vỡ mộng sâu sắc đối với các cấu trúc quản trị truyền thống, khiến nhiều người dân cảm thấy bị loại trừ khỏi các quy trình ra quyết định chính trị và ngày càng

hoài nghi rằng việc hoạch định chính sách có thể mang lại những cải thiện hữu hình cho sinh kế. Bất bình đẳng được những người tham gia khảo sát lựa chọn là rủi ro toàn cầu có tính kết nối cao nhất trong năm thứ hai liên tiếp, theo sát sau đó là Suy thoái kinh tế.

Song song đó, Tin giả và tin sai lệch ở vị trí thứ hai trong khung thời gian hai năm, dưới mức Đồi đầu địa kinh tế, vẫn là một mối quan ngại toàn cầu cấp bách. Khi giàu nghèo tiếp tục tập trung vào tay một số ít người, trong khi áp lực chi phí sinh hoạt vẫn ở mức cao, các nền kinh tế có dạng chữ K vĩnh viễn đang trở thành một rủi ro, thách thức các khế ước xã hội và việc cấp vốn cho chúng. Phần 2.3: Các giá trị trong xung đột khám phá cách thức sự phân hóa xã hội và chính trị có thể sâu sắc hơn trong hai năm tới khi công nghệ trở nên gắn kết hơn với đời sống hàng ngày và các căng thẳng địa kinh tế kéo dài, làm gia tăng rủi ro về sự mất lòng tin kỹ thuật số và sự xói mòn của các tiền bộ kinh tế - xã hội.

Các mối quan ngại về môi trường bị giảm ưu tiên trong ngắn hạn

Kết quả khảo sát GRPS cho thấy sự ưu tiên cao hơn đối với các rủi ro phi môi trường so với các rủi ro môi trường so với những năm trước. Trong triển vọng hai năm tới, phần lớn các rủi ro môi trường đều sụt giảm về thứ hạng, với Các hiện tượng thời tiết cực đoan chuyển từ vị trí thứ 2 xuống thứ 4 và Ô nhiễm từ thứ 6 xuống thứ 9. Thay đổi nghiêm trọng đối với các hệ thống của Trái đất và Mất đa dạng sinh học và sụp đổ hệ sinh thái cũng giảm lần lượt bảy và năm bậc, nằm ở nửa dưới danh sách rủi ro trong triển vọng hai năm nay. Tất cả các rủi ro môi trường cũng giảm điểm về mức độ nghiêm trọng trong khung thời gian hai năm so với kết quả năm ngoái. Nói cách khác, không chỉ thứ hạng của chúng giảm so với các danh mục rủi ro khác, mà còn có một sự chuyển dịch tuyệt đối khỏi những lo ngại về môi trường. Trong 10 năm tới, các rủi ro môi trường vẫn giữ vững thứ hạng là những rủi ro nghiêm trọng nhất, với Các hiện tượng thời tiết cực đoan được xác định là rủi ro hàng đầu và một nửa trong số 10 rủi ro hàng đầu mang bản chất môi trường.

Trong khảo sát GRPS năm nay, chúng tôi cũng hỏi những người phản hồi về nhận thức của họ đối với triển vọng toàn cầu theo danh mục rủi ro: xã hội, công nghệ, môi trường, kinh tế và địa chính trị. Trong thập kỷ tới, các rủi ro môi trường được nhìn nhận với sự bi quan nhất trong tất cả các danh mục rủi ro được khảo sát, với gần ba phần tư người phản hồi lựa chọn triển vọng biến động hoặc bão táp.

Chương 2.5: Cơ sở hạ tầng bị đe dọa khám phá một phần tác động của thời tiết cực đoan kéo dài và biến đổi khí hậu đối với cơ sở hạ tầng cũ kỹ. Từ các điểm nghẽn trong chuỗi cung ứng đến áp lực lên lưới điện, cơ sở hạ tầng thiết yếu cần được chú trọng đổi mới, khi các rủi ro hiện tại đã và đang diễn ra, gây ảnh hưởng đến các xã hội trên toàn cầu.

Một trật tự cạnh tranh mới đang hình thành

Trong giai đoạn chuyển đổi địa kinh tế này, các liên minh đang được định hình lại và khả năng phục hồi của thị trường cũng như các thể chế hình thành từ Hội nghị Bretton Woods năm 1944 đang bị thử thách. Chủ nghĩa bảo hộ, chính sách công nghiệp chiến lược và sự can thiệp tích cực của các chính phủ đối với các chuỗi cung ứng thiết yếu đều báo hiệu một thế giới đang cạnh tranh khốc liệt hơn. Trong khảo sát GRPS năm nay, 68% người phản hồi mô tả môi trường chính trị toàn cầu trong 10 năm tới là một "trật tự đa cực hoặc phân mảnh, trong đó các cường quốc trung bình và lớn tranh chấp, thiết lập và thực thi các quy tắc và chuẩn mực khu vực", tăng bốn điểm phần trăm so với năm ngoái.

Chỉ có 6% người phản hồi mong đợi sự hồi sinh của trật tự quốc tế đơn cực, dựa trên luật lệ trước đây.

Sự chuyển dịch ngày càng tăng sang các chính sách hướng nội và đối lập đã gây thêm sự bất định cho tương lai của chủ nghĩa đa phương. Khi các quốc gia ngày càng ưu tiên lợi ích quốc gia hơn là hành động tập thể, những câu hỏi cấp bách nảy sinh về năng lực của cộng đồng quốc tế trong việc đối mặt với các thách thức chung như biến đổi khí hậu, sức khỏe toàn cầu và ổn định kinh tế – cũng như tạo ra sự tăng trưởng cục bộ cần thiết cho thịnh vượng và ổn định trong nước. Trong bối cảnh đang thay đổi này, vai trò lãnh đạo toàn cầu và các giá trị sẽ làm nền tảng cho giai đoạn hợp tác quốc tế tiếp theo vẫn là những vấn đề chưa được giải quyết một cách dứt điểm.

Tuy nhiên, lịch sử nhắc nhở chúng ta rằng trật tự có thể được xây dựng lại nếu các quốc gia lựa chọn hợp tác chiến lược ngay cả trong lúc cạnh tranh. Tương lai không phải là một con đường đơn lẻ, cố định mà là một loạt các quỹ đạo khả thi, mỗi quỹ đạo phụ thuộc vào những quyết định mà chúng ta đưa ra ngày hôm nay với tư cách là một cộng đồng toàn cầu. Những thách thức được nêu bật trong GRPS – trải dài từ các cú sốc địa chính trị, sự thay đổi công nghệ nhanh chóng, bất ổn khí hậu, bất ổn kinh tế và tác động tập thể của chúng đối với xã hội – nhấn mạnh cả quy mô của những rủi ro mà chúng ta phải đối mặt và trách nhiệm chung của chúng ta trong việc định hình những gì sẽ diễn ra tiếp theo.

PHỤ LỤC 3.2

Báo cáo của KPMG: Huy động vốn tư nhân cho tăng trưởng nhờ ứng phó khí hậu

Lời nói đầu

Việc giải quyết biến đổi khí hậu có thể giúp hỗ trợ phát triển kinh tế và tăng trưởng dài hạn tại các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDE). Các quốc gia EMDE cần hàng nghìn tỷ đô la để ứng phó với biến đổi khí hậu, tuy nhiên hiện nay chỉ có một phần nhỏ trong số kinh phí này được huy động.

Các quốc gia đang phát triển phải đối mặt với những rào cản đáng kể trong việc tiếp cận tài chính khí hậu, bao gồm công nghệ chưa tương xứng, dữ liệu thiếu hụt và các thách thức về mặt cấu trúc như danh mục dự án bị phân mảnh, sự bất định về quy định và thị trường tài chính còn yếu. Những trở ngại này làm nản lòng các nhà đầu tư tư nhân và làm chậm tiến độ.

Hệ quả của việc thiếu hụt tài chính khí hậu là rất sâu rộng: Các quốc gia EMDE tiếp tục phải vật lộn với các thảm họa liên quan đến thời tiết, chất lượng không khí kém, mất an ninh lương thực, cũng như việc hạn chế tiếp cận với nước sạch và năng lượng. Những thách thức này góp phần làm suy yếu sự phát triển nông thôn, gây ra nghèo đói, sức khỏe kém, bất bình đẳng và giảm năng suất — từ đó cản trở hơn nữa sự tăng trưởng kinh tế.

Để giải quyết khoảng cách này, KPMG và Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) đã thực hiện một nghiên cứu toàn cầu mang tên "Từ Rủi ro đến Thành quả: Khai thông nguồn vốn tư nhân cho tăng trưởng nhờ ứng phó khí hậu" (From Risk to Reward: Unlocking Private Capital for Climate Growth), với mục đích xác định các chiến lược thực tiễn nhằm giúp mở rộng quy mô đầu tư tư nhân.

Báo cáo phác thảo sáu hành động ưu tiên và mười sáu chiến lược được thiết kế để giảm thiểu rủi ro, cải thiện khả năng vay vốn (bankability) của dự án và tăng cường tính minh bạch của dữ liệu, nhằm điều chỉnh các lợi ích khuyến khích cho cả các bên liên quan ở khu vực công và tư nhân.

Những thách thức này là cơ sở để hiểu rõ sự thiếu hụt mang tính hệ thống trong tài chính khí hậu và nhu cầu cấp thiết về các phương pháp tiếp cận đổi mới. Việc mở rộng quy mô nguồn vốn khí hậu tư nhân tại các quốc gia EMDE cần được thực hiện một cách trực tiếp. Lộ trình này của KPMG và WEF nhấn mạnh những can thiệp cần thiết, có thể giúp thu hẹp khoảng cách tài chính và hỗ trợ mở ra các cơ hội phát triển.

Trong tài liệu tóm tắt quốc tế này của KPMG, chúng tôi phác thảo các phát hiện chính từ báo cáo trắng của WEF, "Từ Rủi ro đến Thành quả: Khai thông nguồn vốn tư nhân cho tăng trưởng nhờ ứng phó khí hậu", đồng thời giới thiệu cách các công ty thành viên của KPMG đã hỗ trợ khách hàng trên toàn cầu giải quyết các thách thức về tài chính khí hậu.

Từ thách thức đến cơ hội: Vì sao các quốc gia EMDE đóng vai trò quan trọng

Các quốc gia EMDE không chỉ là những đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ rủi ro khí hậu — họ còn có thể trở thành một phần của các chiến lược trong tương lai.

Động lực tăng trưởng toàn cầu đang chờ được khai phá

Với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng và các lĩnh vực công nghệ sạch đang mở rộng, các quốc gia EMDE đại diện cho sự hội tụ của các xu hướng nhân khẩu học và kinh tế đầy sức hút đối với các nhà đầu tư. Việc chiếm lĩnh dù chỉ một phần nhỏ trong nhu cầu hạ tầng hàng năm (ước tính khoảng 1,5–2,0 nghìn tỷ USD) cũng có thể mở ra hàng trăm tỷ USD cơ hội đầu tư vào năng lượng sạch, vận tải và các giải pháp dựa vào thiên nhiên.

Các nhà lãnh đạo cần tham gia sớm và hành động trực tiếp

Các nhà đầu tư phải vượt qua các thách thức như danh mục dự án bị phân mảnh, sự bất định về quy định và chi phí cho vay tăng cao do xếp hạng tín nhiệm quốc gia cũng như các khuôn khổ tuân thủ. Việc huy động vốn phụ thuộc vào việc chuyển đổi các cam kết về khí hậu thành các danh mục dự án có khả năng đầu tư và triển khai thực tế, được hỗ trợ bởi một môi trường vĩ mô ổn định.

Sự tham gia sớm và công tác chuẩn bị nền tảng giúp các nhà đầu tư đảm bảo các khoản đầu tư trụ cột và tạo lập uy tín trong quá trình phát triển tại các quốc gia EMDE.

Khi xem xét những cơ hội và thách thức này, có thể thấy rõ rằng các chiến lược có mục tiêu cụ thể là yếu tố thiết yếu để khai thông nguồn tài chính tư nhân cho tăng trưởng nhờ ứng phó khí hậu.

PHỤ LỤC 3.3

Báo cáo của Guotai Junan: Triển vọng Đầu tư Ngành Tiêu dùng Việt Nam 2026

Giới thiệu

Năm 2026, ngành tiêu dùng Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì quỹ đạo tăng trưởng tích cực, nhờ nền tảng vĩ mô ổn định và các cải cách chính sách quan trọng được thực hiện trong giai đoạn 2024–2025. Trong năm 2025, tiêu dùng nội địa đã cho thấy sự phục hồi rõ nét khi GDP dự kiến tăng trưởng trên 8%, thu nhập khả dụng của hộ gia đình được cải thiện và niềm tin người tiêu dùng quay trở lại mức trước đại dịch. Đáng chú ý, các động lực từ chính sách như Nghị định 70 về thuế hộ kinh doanh, các sáng kiến thúc đẩy khu vực tư nhân, cùng môi trường chính sách tiền tệ – tài khóa nới lỏng hơn đã đóng vai trò then chốt trong việc củng cố sức mua và giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp.

Bước sang năm 2026, chúng tôi kỳ vọng ngành tiêu dùng sẽ tiếp tục đà tăng trưởng thuận lợi, dẫn đầu bởi phân khúc hàng không thiết yếu khi nhu cầu theo chu kỳ mạnh dần và tầng lớp trung lưu tiếp tục mở rộng (GDP bình quân đầu người ước đạt 5.400–5.500 USD). Trong các danh mục ngách như ICT (Công nghệ thông tin và Truyền thông), được phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu, sự tăng trưởng sẽ được củng cố bởi: (1) sự bình thường hóa các mô hình vận hành của các chuỗi bán lẻ hiện đại sau giai đoạn tái cấu trúc 2023–2025; và (2) sự dịch chuyển liên tục trong chi tiêu sang kênh bán lẻ có tổ chức, nơi tỷ lệ thâm nhập vẫn còn tương đối thấp ở mức 30–35% so với các thị trường trong khu vực.

Song song đó, thương mại điện tử tiếp tục là lực lượng chính tái định hình cấu trúc ngành. Với tổng giá trị hàng hóa (GMV) mở rộng với tốc độ trung bình khoảng 15–20% mỗi năm, kênh trực tuyến đang ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong hành trình khách hàng, buộc các nhà bán lẻ truyền thống phải đẩy nhanh chiến lược O2O (từ trực tuyến đến ngoại tuyến), tối ưu hóa logistics và số hóa hoạt động để bảo vệ thị phần.

Dưới góc độ đầu tư, chúng tôi ưu tiên các doanh nghiệp chứng minh được sự tăng trưởng lợi nhuận ổn định, có lợi thế cạnh tranh rõ rệt và tiềm năng mở rộng thị phần vững chắc, bao gồm FRT, PNJ và MWG. Ngoài ra, các thương vụ IPO và chuyển sản niêm yết sắp tới trong ngành, chẳng hạn như MCH và kế hoạch IPO mảng nông nghiệp của HPG, được kỳ vọng sẽ mở rộng đáng kể danh mục lựa chọn đầu tư trong năm 2026.

1.2. Triển vọng Người tiêu dùng và Xu hướng Chi tiêu năm 2026

Xu hướng Người tiêu dùng – Sức khỏe và Giáo dục: Thị trường đang chứng kiến sự trỗi dậy của "tiêu dùng có ý thức", khi người tiêu dùng Việt Nam trở nên thận trọng hơn với ngân sách và điều chỉnh mức chi tiêu tùy theo từng danh mục sản phẩm. Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử, người tiêu dùng ngày càng chi tiêu nhiều hơn cho các mặt hàng giảm giá, khuyến mãi và các ưu đãi tốt. Bên cạnh đó, các sản phẩm thân thiện với môi trường tiếp tục được ưu tiên trong giỏ hàng, với hơn 33% người tiêu dùng Việt Nam sẵn sàng trả mức giá cao hơn cho các sản phẩm xanh.

Vượt ra ngoài những lo ngại về môi trường, sự an tâm về tài chính đang thúc đẩy người tiêu dùng tăng chi tiêu cho các lĩnh vực thiết yếu. Theo ACSS, 67% người Việt chi tiêu nhiều hơn cho giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe, vượt qua mức tăng chi tiêu cho các nhu yếu phẩm hàng ngày (53%).

Đồng thời, nhu cầu về những trải nghiệm cao cấp đang tăng mạnh. Người tiêu dùng sẵn sàng chi mạnh tay hơn cho giải trí, ẩm thực cao cấp và du lịch nghỉ dưỡng, phản ánh xu hướng "tận hưởng có chọn lọc". Nhóm chi tiêu này được xem như một khoản đầu tư vào chất lượng cuộc sống thay vì chi tiêu bốc đồng, đặc biệt khi người tiêu dùng Việt Nam ngày càng có ý thức về giá trị mà họ nhận được từ mỗi giao dịch.

Xu hướng Hiện đại hóa Tiêu dùng năm 2026:

Thương mại điện tử và sự dịch chuyển từ thương mại truyền thống (GT) sang thương mại hiện đại (MT): Xu hướng tiêu dùng số hóa tiếp tục mở rộng khi người dân ngày càng quen thuộc với thanh toán không tiền mặt, mua sắm trực tuyến và thương mại xã hội (social commerce). Trong năm 2025, các nền tảng như TikTok Shop, Shopee và Lazada đều ghi nhận mức tăng trưởng hai con số, phản ánh sự thay đổi mạnh mẽ trong hành vi mua sắm. Bước sang năm 2026, việc tích hợp cá nhân hóa bằng AI và các mô hình bán lẻ đa kênh (omnichannel) được kỳ vọng sẽ giúp các nhà bán lẻ trong nước nâng cao năng suất và củng cố lòng trung thành của người tiêu dùng.

Thị trường thương mại điện tử Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng 35% mỗi năm cho đến năm 2028. Trong khi đó, các nhà bán lẻ đang chứng kiến sự dịch chuyển dài hạn trong hành vi của người tiêu dùng từ các kênh bán lẻ truyền thống sang các loại hình bán lẻ hiện đại.

Người có sức ảnh hưởng (Influencers) định hình quyết định mua hàng mạnh mẽ hơn bao giờ hết: Thế hệ Millennials và Gen Z từ lâu đã dựa vào những người có sức ảnh hưởng để khám phá sản phẩm và xác định các thương hiệu đáng tin cậy. Hiện nay, ngay cả một bộ phận Gen Alpha – thế hệ trẻ nhất – cũng đã tham gia vào xu hướng này. Thống kê cho thấy 49% Gen Alpha tin tưởng các đề xuất mua sắm từ những người có sức ảnh hưởng tương đương với lời khuyên từ gia đình và bạn bè. Đối với Gen Z, tác động từ tài khoản của những người có sức ảnh hưởng đến quyết định mua hàng vượt xa so với các tài khoản chính thức của nhà bán lẻ. Theo nghiên cứu Shopping Pulse của Klarna, những người có sức ảnh hưởng hiện giữ vai trò quan trọng hơn các kênh bán lẻ truyền thống trong việc tiếp cận người tiêu dùng Gen Z.

Nhờ các điều kiện vĩ mô, chính sách và xu hướng tiêu dùng thuận lợi, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng dự kiến sẽ tăng trưởng 10% vào năm 2026.

Trong 10 tháng đầu năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.772,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước (so với mức tăng 8,8% của cùng kỳ năm 2024). Nếu loại trừ yếu tố giá, tốc độ tăng trưởng thực tế đạt 7,0% (so với mức 4,8% cùng kỳ năm 2024).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa trong 10 tháng đầu năm 2025 ước đạt 4.400,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,2% tổng mức bán lẻ và tăng 8,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lương thực và thực phẩm tăng 10,0%; may mặc tăng 8,6%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 7,1%; và vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 6,9%.

Nhìn chung, tiêu dùng nội địa đang cho thấy sự phục hồi nhẹ, với kỳ vọng sẽ bứt phá mạnh mẽ hơn nhờ các chương trình kích cầu và việc triển khai luật thuế thu nhập cá nhân vào năm 2026.

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2026 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

